

Họ và tên: Lớp: 1A....

PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM**Bài 1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:**

1. Số liền trước của số 60 là:

- A. 50 B. 59 C. 61 D. 70

2. Số liền sau của số 79 là:

- A. 78 B. 89 C. 80 D. 70

3. Số ở giữa số 34 và 36 là:

- A. 33 B. 35 C. 37 D. 45

4. Số liền sau của số 98 là:

- A. 97 B. 99 C. 100 D. 89

Bài 2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

1. Số điền vào chỗ chấm là: 20, 30, , 50, 60.

- A. 31 B. 45 C. 40 D. 70

2. Các số 15, 42, 37 được xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

- A. 15, 37, 42 B. 42, 37, 15 C. 15, 42, 37 D. 37, 15, 42

3. Số gồm 4 chục và 7 đơn vị là:

- A. 74 B. 407 C. 11 D. 47

4. Số lớn nhất có hai chữ số là:

- A. 10 B. 90 C. 99 D. 100

PHẦN 2: TỰ LUẬN**Bài 1. Quan sát hình bên và điền số thích hợp:**

- Cóhình tam giác.

- Cóhình vuông.



Bài 2. Tính:

$6 + 3 = \dots\dots\dots$

$10 - 5 + 4 = \dots\dots\dots$

$9 - 2 = \dots\dots\dots$

$3 + 5 - 2 = \dots\dots\dots$

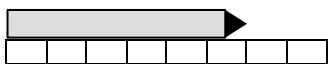
Bài 3. Điền dấu (> , < , =) thích hợp:

$45 \dots\dots 54$

$12 + 3 \dots\dots 15$

$80 \dots\dots 70$

$19 - 9 \dots\dots 11$

Bài 4. Trả lời: Chiếc bút chì dài bao nhiêu ô vuông?

Trả lời: Chiếc bút chì dài.....ô vuông.

Bài 5. Quan sát tranh, viết phép tính thích hợp:

$$\square - \square = \square$$